

Bản án số: 285/2020/HS-ST
Ngày 28-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 254/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2020/QĐXXST-HS ngày 26/6/2020; quyết định hoãn phiên tòa số: 159/2020/QĐST-HS ngày 8 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh năm 1997 tại tỉnh Ng; thường trú: Xóm 4, xã Đ, huyện A, tỉnh Ng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn K, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; có 01 em sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2020 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh L Thọ Ng, sinh ngày 04/7/2001; thường trú: Thôn H, xã Th, huyện Th, tỉnh Th; tạm trú: Số 15/33 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B; vắng mặt.

2. Anh Trịnh Gia L, sinh năm 1998; thường trú: Thôn H, xã Th, huyện Th, tỉnh Th; tạm trú: Số 15/33 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 40/16 đường X, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; thường

trú: Số 43/20 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Bùi Văn L; vắng mặt
2. Anh Ngô Văn Hùng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn L là người không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 29/3/2020, Trần Văn L sang phòng trọ số 1B, số 15/33 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B gõ cửa để hỏi mượn điện thoại của anh Bùi Văn L chơi game nhưng anh L không cho. Trần Văn L khép cửa đi ra ngoài gặp một người bạn tên là Tuấn (không rõ nhân thân, lai lịch) đi ăn sáng. Sau khi ăn sáng xong, Tuấn đi làm, Trần Văn L quay lại nhà trọ số 15/33 khu phố Bình Đường 1, phường An Bình, thành phố Dĩ An. Trần Văn L thấy cửa phòng trọ số 1B không đóng, anh Trịnh Gia L, Bùi Văn L, L Thọ Ng và Ngô Văn Hùng đang ngủ, phía trên đầu của anh Gia L có 01 cái điện thoại Oppo Reno 2F màu xanh của đang sạc và trên đầu của anh Ng có 01 chiếc điện thoại Redmi Note 8 màu đen. Trần Văn L lén lút đi vào phòng rút dây sạc điện thoại Redmi Note 8 bỏ vào túi quần bên phải, còn chiếc điện thoại Opporemo2F màu xanh thì cầm trên tay đi ra. Sau đó, Trần Văn L đến quán cafe thuộc khu phố Bình Đường 1, phường An Bình. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Trần Văn L gọi cho một người bạn tên Tuấn (không rõ nhân thân, lai lịch), nhờ Tuấn đi cầm dùm điện thoại Redmi Note 8. Khoảng 30 phút sau, Tuấn quay lại đưa cho Trần Văn L 1.500.000 đồng. Trần Văn L đi cầm điện thoại Oppo Reno 2F tại tiệm cầm đồ Tuấn H, thuộc khu phố B, phường A, thành phố D, giá 3.000.000 đồng. Số tiền cầm 02 chiếc điện thoại của Ng và Gia L là 4.500.000 đồng, L đã tiêu xài hết.

Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 29/3/2020, anh Ng, anh Gia L phát hiện mất điện thoại nên báo chủ nhà trọ trích xuất camera thì phát hiện, L vào phòng mượn điện thoại lần đầu thì khoảng 10 phút sau L quay lại mở cửa đi vào phòng trọ 1B. Trên tay phải của Trần Văn L cầm chiếc điện thoại của anh Gia L. Đến tối cùng ngày, Trần Văn L về dãy trọ, anh Ng và anh Gia L hỏi thì Trần Văn L thừa nhận đã lấy 02 chiếc điện thoại. Nên bị đưa Ln Công an phường An Bình làm việc, L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 2F màu xanh.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 58/BB.ĐG ngày 06/4/2020 của Hội đồng định giá thành phố Dĩ An kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 2F màu xanh, có trị giá 4.000.000 đồng; điện thoại di động hiệu Redmi Note 8 màu đen, có trị giá 2.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 6.500.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số 58/BB.ĐG ngày 06/4/2020 của Hội đồng định giá thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Tại cáo trạng số 292/CT – VKS ngày 18 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Văn L về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn L mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 2F màu xanh đã trả lại cho bị hại anh Trịnh Gia L. Anh L không có yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xử lý.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 8 màu đen của bị hại L Thọ Ng, không thu hồi được nên bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 2.500.000 đồng.

* Về biện pháp tư pháp: Chủ tiệm cầm đồ Tuấn H là anh Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cầm điện thoại Oppo Reno 2F màu xanh, nhưng đây là tiền thu lợi bất chính của bị cáo Trần Văn L từ việc phạm tội mà có nên đề nghị buộc bị cáo L nộp số tiền trên để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn L không tranh luận, đối đáp gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Vào 06 giờ ngày 29/3/2020 tại phòng trọ số 1B dãy trọ số 15 /33 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Trần Văn L lén lút chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 2F màu xanh trị giá 4.000.000 đồng của anh Trịnh Gia L và 01 (một) điện thoại di

động hiệu Redmi Note 8 màu đen trị giá 2.500.000 đồng của anh L Thọ Ng; tổng trị giá tài sản là 6.500.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 292/CT – VKS ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn đồng thời sau khi phạm tội bị cáo đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự và không có nghề nghiệp ổn định.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp: Chủ tiệm cầm đồ Tuấn H là anh Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cầm điện thoại Oppo

Reno 2F màu xanh, nhưng đây là tiền thu lợi bất chính của bị cáo Trần Văn L từ việc phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo L nộp số tiền trên để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Xét 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 2F màu xanh đã trả lại cho bị hại anh Trịnh Gia L. Anh L không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

- Xét 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 8 màu đen của bị hại L Thọ Ng, không thu hồi được nên bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 2.500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[10] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2020.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Trần Văn L nộp 3.000.000 (ba triệu) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584 và 589 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Trần Văn L có trách bồi thường cho anh Lê Thọ Ng số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày anh Lê Thọ Ng có yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho anh Lê Thọ Ng khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ../.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ng Công